

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2018/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản, quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên tại Tờ trình số 85/TTr-SKHHCN ngày 25 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên như sau:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“1. Quy định này quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các tổ chức, cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, cơ quan ngang sở, ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan nhà nước khác ở tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ngành, địa phương) xem xét đặt hàng.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.”

3. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng

1. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương.

2. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của tỉnh.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.”

4. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong phạm vi được giao quản lý.

2. Việc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện.

3. Với những đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh thì chủ động chuyển tới bộ, ngành, địa phương khác phù hợp với lĩnh vực quản lý được giao.”

5. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh

1. Sở, ngành, địa phương tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên cơ sở các nhiệm vụ được tổng hợp từ đề xuất của tổ chức, cá nhân, tự đề xuất theo trình tự quy định tại Chương III và các quy định tại Chương IV của quy định này thông qua hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ (gọi tắt là hội đồng tư vấn).

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng của sở, ngành, địa phương kể cả đề xuất lĩnh vực mà mình quản lý, tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo những căn cứ quy định tại Chương IV của Quy định này.

3. Sở Khoa học và công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh và công bố công

khai để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp.”

6. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.”

7. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

3. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.” 8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau: **“Điều 10. Tổng hợp đề xuất đặt hàng**

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, các sở, ngành, địa phương thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh, ngành, địa phương mình và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng.

Đề xuất đặt hàng theo các mẫu ban hành kèm theo Quy định này: đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu A1-ĐXNV; dự án theo Mẫu A2- ĐXNV và dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu A3-ĐXNV.

2. Tổng hợp các đề xuất đặt hàng

a) Sở, ngành, địa phương tổng hợp các đề xuất đặt hàng từ các tổ chức, cá nhân, tự đề xuất và lựa chọn những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết thuộc lĩnh vực quản lý;

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng của sở ngành, địa phương kể cả lĩnh vực mình quản lý.

b) Đối với các đề xuất đặt hàng không thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình thì gửi sở, ngành, địa phương được giao quản lý để xem xét đặt hàng thực hiện và thông báo cho các tổ chức, cá nhân đã gửi đề xuất.”

9. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Xây dựng đề xuất đặt hàng

Sau khi tổng hợp đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu, sở, ngành, địa

phương tổ chức hội đồng tư vấn để xác định số lượng nhiệm vụ, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên thực hiện (nếu có trên 02 đề xuất) và xây dựng, hoàn thiện đề xuất đặt hàng theo các quy định tại Chương IV của Quy định này.”.

10. Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 của Quy định này.

2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong các giai đoạn sản xuất”.

11. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Thành lập hội đồng tư vấn

1. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng để xác định, xác định lại đề xuất đặt hàng của sở ngành, địa phương. Hội đồng tư vấn có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương quyết định thành lập Hội đồng tư vấn để xác định đề xuất đặt hàng cấp tỉnh thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý. Hội đồng tư vấn có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng chuyên ngành khoa học và công nghệ.”

12. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 16. Thành phần và trách nhiệm của hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương căn cứ nội dung của đề xuất đặt hàng quyết định số lượng thành viên và thành phần của hội đồng tư vấn phù hợp với quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Thủ trưởng sở, ngành, địa phương có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng tư vấn khác với quy định tại các Khoản 1 và 2 của Điều này.”

13. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Trách nhiệm của sở, ngành, địa phương

1. Sở, ngành, địa phương: Chủ động xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, lĩnh vực mình quản lý, có thể mời chuyên

gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng; trên cơ sở tổng hợp, xem xét, lựa chọn từ các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gửi đến từ các viện trường trong và ngoài tỉnh, các sở, ngành, địa phương khác, các tổ chức, cá nhân hoặc do đơn vị mình tự đề xuất.

Thành lập hội đồng tư vấn, giao bộ phận chuyên môn định kỳ, đột xuất tổ chức xem xét đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý. Gửi hồ sơ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng tư vấn để xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo định kỳ hoặc nhu cầu đột xuất và trong khả năng cân đối ngân sách hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ.

14. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 05 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng tư vấn được thành lập có từ 05 đến 07 thành viên) hoặc ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng tư vấn được thành lập có trên 07 thành viên), trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

2. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm nhận xét, đánh giá đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền quyết định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh.

Xem xét lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đề xuất đặt hàng cấp quốc gia và xây dựng các đề xuất đặt hàng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do sở, ngành, địa phương cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo Quy định này: Mẫu B1-TVHĐ đối với đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm; Mẫu B2-TVHĐ đối với đề án khoa học và Mẫu B3-TVHĐ đối với dự án khoa học và công nghệ;

b) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng tư vấn.

4. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng. Tài liệu gồm:

a) Đề xuất đặt hàng;

b) Trích lục yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 14 của quy định này;

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại khoản 3 Điều này;

d) Kết quả tra cứu thông tin của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức đề tài, dự án theo Mẫu C0-TCTT ban hành kèm theo quy định này;

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

6. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tư vấn tổng hợp để hội đồng tư vấn thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng tư vấn. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng tư vấn.

7. Sở, ngành, địa phương cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng tư vấn.”

15. Sửa đổi Khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Đại diện sở, ngành, địa phương tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng tư vấn.”

16. Điều 20 được sửa đổi như sau:

Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án, đề án khoa học, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Thông tư 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

17. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đề xuất đặt hàng của sở, ngành, địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục, kết quả của các hội đồng tư vấn, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại các Điều 6, 7, 8 của Quy định này. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng tư vấn khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến tư vấn (nếu có) quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của ngành, tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của tỉnh”.

18. Thay thế các Biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng các Biểu mẫu ban hành tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung sau:

Bãi bỏ Điều 9, Điều 12, Điều 13 và điểm e khoản 2 Điều 14 Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2018.
2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Đình Phùng